

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 31

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 2 năm 2008, thay đổi lần thứ hai vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 về việc giảm vốn điều lệ từ 88.000.000.000 đồng còn 55.000.000.000 đồng và thay đổi tên Công ty từ “Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy Điện nước IDICO” thành “ Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO”

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Cao Hà	Chủ tịch
Ông Hoàng Hữu Thú	Ủy viên
Ông Trần Văn Phú	Ủy viên
Bà Lê Thị Liễu	Ủy viên
Bà Vũ Thị Hiền	Ủy viên

Các thành viên Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Cao Hà	Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Đồng	Phó Giám đốc
Ông Hoàng Văn Khoa	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Quốc Dương	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



Nguyễn Cao Hà
Giám đốc

Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Handwritten signature in red ink on the right margin.

Số: 302/2013/BCKT-BCTC/CPA VIETNAM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính năm 2012 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO

**Kính gửi: Các cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, được lập ngày 15 tháng 4 năm 2013 của Công ty Cổ phần Đầu tư Lắp máy IDICO (gọi tắt là "Công ty") trình bày từ trang 04 đến trang 31 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các Báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán được lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, xét trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



Nguyễn Anh Tuấn
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0779/KTV
Thay mặt và đại diện

CÔNG TY HỢP DANH KIỂM TOÁN VIỆT NAM - CPA VIETNAM**Thành viên Hãng kiểm toán Quốc tế Moore Stephens**

Hà Nội, ngày 15 tháng 4 năm 2013

Nguyễn Song Toàn
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 1551/KTV

35/10/13
D/1
T/1
M/1
Y/1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		123.545.719.565	167.816.596.821
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	12.697.534.014	69.074.584.402
1. Tiền	111		3.697.534.014	5.774.584.402
2. Các khoản tương đương tiền	112		9.000.000.000	63.300.000.000
II- Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		69.907.770.322	15.628.115.378
1. Phải thu khách hàng	131		66.541.038.633	14.582.969.828
2. Trả trước cho người bán	132		365.779.000	1.039.114.235
5. Các khoản phải thu khác	135	5.2	3.000.952.689	6.031.315
IV- Hàng tồn kho	140	5.3	40.236.278.403	80.872.819.652
1. Hàng tồn kho	141		40.236.278.403	80.872.819.652
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		704.136.826	2.241.077.389
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.4	159.378.100	339.950.967
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	5.5	544.758.726	1.901.126.422
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+240+250+260)	200		39.992.227.944	34.338.304.479
I Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
II Tài sản cố định	220		39.655.661.650	34.285.139.491
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.6	30.347.822.443	31.906.632.167
- Nguyên giá	222		58.421.154.952	51.946.317.418
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(28.073.332.509)	(20.039.685.251)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	5.7	9.307.839.207	2.378.507.324
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		336.566.294	53.164.988
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.8	56.566.294	53.164.988
3. Tài sản dài hạn khác	268	5.9	280.000.000	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		163.537.947.509	202.154.901.300

10/12/2012
 Y/NH
 JA
 VN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2012	01/01/2012
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		89.173.070.102	128.132.123.882
I- Nợ ngắn hạn	310		58.706.421.234	106.652.620.252
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	5.10	23.402.227.526	37.015.321.048
2. Phải trả người bán	312		19.723.021.102	32.698.257.542
3. Người mua trả tiền trước	313		3.272.554.051	13.599.999.166
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	5.11	3.656.413.049	4.071.268.314
5. Phải trả người lao động	315		3.090.722.375	7.819.781.000
6. Chi phí phải trả	316	5.12	804.894.203	5.866.328.368
9. Các khoản phải trả, nộp ngắn hạn khác	319	5.13	3.295.111.928	4.998.519.814
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		1.461.477.000	583.145.000
II- Nợ dài hạn	330		30.466.648.868	21.479.503.630
4. Vay và nợ dài hạn	334	5.14	9.950.000.000	4.550.000.000
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337	5.15	20.516.648.868	16.929.503.630
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		74.364.877.407	74.022.777.418
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.16	74.364.877.407	74.022.777.418
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		55.000.000.000	55.000.000.000
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	1.490.474
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		7.045.514.052	3.874.087.601
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.592.227.000	779.645.000
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		10.727.136.355	14.367.554.343
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		163.537.947.509	202.154.901.300

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	TM	31/12/2012	01/01/2012
5. Ngoại tệ các loại			
USD		19.486,04	240.359,00
EURO		112,07	111,96

Đồng Nai, ngày 15 tháng 4 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2012	Năm 2011
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.17	171.144.869.457	182.554.568.163
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10		171.144.869.457	182.554.568.163
4. Giá vốn hàng bán	11	5.18	148.670.734.687	154.917.642.251
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		22.474.134.770	27.636.925.912
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.19	1.246.374.326	1.978.737.367
7. Chi phí tài chính	22	5.20	4.025.802.294	8.779.966.109
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		3.902.660.103	8.694.606.116
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.21	7.649.474.588	5.975.782.233
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(24+25)}	30		12.045.232.214	14.859.914.937
11. Thu nhập khác	31	5.22	471.461.788	403.143.278
12. Chi phí khác	32	5.22	-	2.070.300
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		471.461.788	401.072.978
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		12.516.694.002	15.260.987.915
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.23	2.244.921.539	1.348.797.464
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		10.271.772.463	13.912.190.451
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.24	1.868	2.529

Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Người lập



Trần Văn Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hiền

Giám đốc



Nguyễn Cao Hà

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp trực tiếp)
 Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2012

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2012	Năm 2011
		VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	117.701.083.552	237.349.811.624
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(96.815.723.569)	(105.474.724.066)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(40.063.045.850)	(41.862.230.450)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(4.140.251.486)	(7.746.681.410)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.638.058.182)	(73.345.794)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	2.242.200.007	37.546.595.493
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(14.392.065.242)	(51.991.398.591)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(39.105.860.770)	67.748.026.806
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản ngắn hạn khác	21	(6.474.837.534)	(2.682.096.379)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán, tài sản cố định và các tài sản ngắn hạn khác.	22	-	1.853.511.782
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và Lợi nhuận được chia	27	1.087.565.398	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(5.387.272.136)	(828.584.597)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	101.392.756.562	109.835.559.253
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(107.063.206.750)	(113.606.788.128)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.255.377.500)	(5.635.841.500)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(11.925.827.688)	(9.407.070.375)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (20+30+40)	50	(56.418.960.594)	57.512.371.834
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	69.074.584.402	11.601.381.039
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	41.910.206	(39.168.471)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (50+60+61)	70	12.697.534.014	69.074.584.402

01
 02
 03
 04
 05
 06
 07
 08
 09
 10
 11
 12
 13
 14
 15
 16
 17
 18
 19
 20
 21
 22
 23
 24
 25
 26
 27
 28
 29
 30
 31
 32
 33
 34
 35
 36
 37
 38
 39
 40
 41
 42
 43
 44
 45
 46
 47
 48
 49
 50
 51
 52
 53
 54
 55
 56
 57
 58
 59
 60
 61
 62
 63
 64
 65
 66
 67
 68
 69
 70
 71
 72
 73
 74
 75
 76
 77
 78
 79
 80
 81
 82
 83
 84
 85
 86
 87
 88
 89
 90
 91
 92
 93
 94
 95
 96
 97
 98
 99
 100

Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Người lập

Kế toán trưởng

Giám đốc





Trần Văn Ngọc

Vũ Thị Hiền

Nguyễn Cao Hà

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

I. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO (sau đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp 3600975839 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 13 tháng 2 năm 2008, thay đổi lần thứ hai vào ngày 18 tháng 05 năm 2011 về việc giảm vốn điều lệ từ 80.000.000.000 tỷ đồng xuống 55.000.000.000 tỷ đồng.

Vốn điều lệ: 55.000.000.000 đồng (Năm mươi lăm tỷ đồng).

Sở hữu vốn

Cổ đông	Số cổ phần	VND	Tỷ lệ sở hữu
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	1.106.891	11.068.910.000	20,12%
Công ty Cổ Phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	264.424	2.644.240.000	4,80%
Công ty Cổ Phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	46.685	486.850.000	0,88%
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	285.665	2.856.650.000	5,19%
Các cổ đông khác	3.794.335	37.393.350.000	69,01%
Cộng	5.500.000	55.000.000.000	100%

Trụ sở chính của Công ty tại Khu Công nghiệp Nhơn Trạch I, xã Hiệp Phước, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Số lao động bình quân trong năm 2012: 124 người (trong năm 2011 là 140 người)

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí: Lắp đặt hệ thống cung cấp điện, nước cho các công trình;
- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại: Gia công, lắp đặt các bể chứa có dung tích lớn vừa và nhỏ, các bình, bồn áp lực, hệ thống đường ống áp lực cho các loại dây chuyền công nghệ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác: Bán buôn vật tư, thiết bị, phụ tùng ngành công nghiệp;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại: sản xuất, lắp dựng kết cấu thép, khung nhà công nghiệp và dân dụng;
- Sản xuất nồi hơi (trừ nồi hơi trung tâm): gia công, lắp đặt lò hơi trung, cao áp;
- Xây dựng công trình công ích: Xây dựng, lắp đặt đường dây, trạm biến áp và trạm phân phối điện đến 500KV. Gia công lắp đặt thiết bị công nghệ cho các công trình xử lý nước thải;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp: Gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn. Lắp đặt thiết bị, máy móc và dây chuyền công nghệ. Gia công lắp đặt cầu trục, thiết bị nâng cho các nhà máy, sản công nghiệp, cảng biển và sông;
- Xây dựng nhà các loại;
- Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại: Gia công, lắp đặt thiết bị cho nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng, công nghệ giấy, dầu khí;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác.

Hoạt động chính trong năm 2012 là xây dựng, gia công lắp đặt các thiết bị phi tiêu chuẩn, gia công, lắp đặt thiết bị cho nhà máy thủy điện, nhiệt điện, xi măng.

05
31
0A
TC
NA
10

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 03 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ Kế toán Doanh nghiệp và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc soạn lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Không có Chuẩn mực kế toán mới nào lần đầu tiên áp dụng trong năm tài chính 2012.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 24 tháng 10 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 179/2012/TT-BTC (“Thông tư 179”) quy định việc ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 179 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2012 và được áp dụng từ năm tài chính 2012. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 1 tháng 1 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10. Ảnh hưởng của việc Công ty áp dụng Thông tư 179 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 được trình bày tại Thuyết minh số 4.

TH
VN
M

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, các khoản đầu tư dài hạn, các khoản phải thu ngắn hạn và các khoản phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khách hàng và phải trả khác, các khoản vay và chi phí phải trả.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền mặt và các khoản tương đương tiền mặt bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản ký cược, ký quỹ, các khoản đầu tư ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư có khả năng thanh khoản cao để dàng chuyển đổi thành tiền và ít có rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Ngoại tệ

Trong năm, Công ty đã áp dụng phi hồi tố Thông tư số 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong doanh nghiệp thay thế Thông tư số 201. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá mua vào tại ngày này do Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố. Chênh lệch tỷ giá phát sinh và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư các khoản mục có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông. Thông tư 179 quy định về ghi nhận, đánh giá và xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá với các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ và số dư các khoản mục tiền tệ phát sinh từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 về cơ bản là giống như hướng dẫn xử lý chênh lệch tỷ giá theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10.



4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Các khoản phải thu và dự phòng nợ khó đòi

Các khoản phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá trị ghi nhận ban đầu trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp bình quân gia quyền.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2012
	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 20
Máy móc và thiết bị	03 - 08
Phương tiện vận tải	03 - 08
Thiết bị văn phòng	03
Tài sản khác	05

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn liên quan đến công cụ và dụng cụ được phân ánh ban đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng với thời gian 2 năm.

Chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm hoặc tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa niên độ.

Chỉ những khoản chi phí liên quan đến khoản dự phòng phải trả đã lập ban đầu mới được bù đắp bằng khoản dự phòng phải trả đó.

Khoản chênh lệch giữa số dự phòng phải trả đã lập ở kỳ kế toán trước chưa sử dụng hết lớn hơn số dự phòng phải trả lập ở kỳ báo cáo được hoàn nhập ghi giảm chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khoản chênh lệch lớn hơn của khoản dự phòng phải trả về bảo hành công trình xây lắp được hoàn nhập vào thu nhập khác trong kỳ.

Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu được ghi theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản mà doanh nghiệp được các tổ chức, cá nhân khác tặng, biếu sau khi trừ (-) các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản được tặng, biếu này; và khoản bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh.

Cổ phiếu quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

TO
CÓ
DỰ
M
ÉT
11

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận như sau:

Hợp đồng xây dựng quy định Công ty được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu hợp đồng được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Trong năm 2012, có 165.430.661 đồng chi phí lãi vay đã được vốn hóa vào tài sản dở dang của Công ty.

SỐ
G
Đ
T
N
T

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại được kế toán theo phương pháp dựa trên Bảng Cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận lãi, lỗ trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu đối với các cổ phiếu phổ thông được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông cho số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng việc điều chỉnh lợi nhuận hoặc lỗ thuộc về cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông và số lượng bình quân gia quyền cổ phiếu phổ thông đang lưu hành do ảnh hưởng của các cổ phiếu phổ thông có tiềm năng suy giảm bao gồm trái phiếu chuyển đổi và quyền chọn cổ phiếu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp kể cả Công ty Mẹ, các Công ty con của Công ty Mẹ, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Giám đốc, viên chức của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những Công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

10
VH
AN
M

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	198.028.310	165.405.867
Tiền gửi ngân hàng	3.499.505.704	5.609.178.535
Các khoản tương đương tiền (*)	9.000.000.000	63.300.000.000
Tổng	12.697.534.014	69.074.584.402

(*) Các khoản tương đương tiền phản ánh khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng của hợp đồng tiền gửi số 18-10/HDTG/Lama-BIDV ĐDN tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đăng Nai với lãi suất 9%/năm.

5.2 Phải thu khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	2.579.611.213	-
Phải thu tiền Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế	5.639.355	6.031.315
Thuế thu nhập cá nhân	415.702.121	-
Tổng	3.000.952.689	6.031.315

5.3 Hàng tồn kho

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	2.460.536.795	11.313.330.329
Công cụ, dụng cụ	137.783.620	391.207.184
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	37.637.957.988	69.168.282.139
Tổng	40.236.278.403	80.872.819.652

5.4 Chi phí trả trước ngắn hạn

	Năm 2012	Năm 2011
	VND	VND
Tại ngày 01 tháng 01	339.950.967	511.613.127
Tăng	1.015.975.974	926.984.650
Phân bổ vào chi phí trong năm	1.196.548.841	1.098.646.810
Tại ngày 31 tháng 12	159.378.100	339.950.967

5.5 Tài sản ngắn hạn khác

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tạm ứng	544.758.726	1.621.126.422
Cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-	280.000.000
Tổng	544.758.726	1.901.126.422



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẬP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.6 Tài sản cố định hữu hình***Đơn vị tính: VND*

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tài, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Tổng
NGUYÊN GIÁ						
Số dư tại 01/01/2012	15.453.087.418	31.431.014.987	4.526.787.483	393.321.873	142.105.657	51.946.317.418
Tăng trong năm	3.639.309.073	2.677.581.955	-	83.835.456	74.111.050	6.474.837.534
Mua trong năm	1.935.142.928	925.341.955	-	83.835.456	74.111.050	3.018.431.389
Đầu tư XDCB hoàn thành:	1.704.166.145	1.752.240.000	-	-	-	3.456.406.145
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	19.092.396.491	34.108.596.942	4.526.787.483	477.157.329	216.216.707	58.421.154.952
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Số dư tại 01/01/2012	1.864.478.725	16.373.791.526	1.466.564.071	259.550.709	75.300.220	20.039.685.251
Tăng trong năm	1.034.029.705	6.102.310.454	736.541.024	82.937.575	77.828.500	8.033.647.258
Khấu hao trong năm	1.034.029.705	6.102.310.454	736.541.024	82.937.575	77.828.500	8.033.647.258
Giảm trong năm	-	-	-	-	-	-
Số dư tại 31/12/2012	2.898.508.430	22.476.101.980	2.203.105.095	342.488.284	153.128.720	28.073.332.509
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại 01/01/2012	13.588.608.693	15.057.223.461	3.060.223.412	133.771.164	66.805.437	31.906.632.167
Tại 31/12/2012	16.193.888.061	11.632.494.962	2.323.682.388	134.669.045	63.087.987	30.347.822.443

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị tại 31/12/2012 là 3.968.009.799 VND (tại ngày 31/12/2011 là 2.367.464.835 VND).

Giá trị còn lại cuối năm của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố các khoản vay là: 14.572.742.552 VND (tại ngày 31/12/2011 là: 14.775.926.898 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.7 Xây dựng cơ bản dở dang**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	2.378.507.324	-
Tăng trong năm	10.393.462.071	2.378.507.324
Giảm trong năm	3.464.130.188	-
<i>Kết chuyển sang tài sản cố định</i>	<i>3.456.406.145</i>	-
<i>Kết chuyển sang chi phí dở dang</i>	<i>7.724.043</i>	-
Tại ngày 31 tháng 12	9.307.839.207	2.378.507.324

Chi tiết số dư một số công trình lớn:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Mua sắm tài sản cố định (Hệ thống thu hồi bụi)	-	1.000.000.000
Làm nhà bần cát, phun bi	-	1.225.071.324
Nhà xưởng LAMA IDICO	8.399.587.740	153.436.000
Thiết bị cầu trục phục vụ nhà máy	576.087.750	-
Hàng rào nhà máy	41.466.345	-
Giá kê sơn tại nhà máy	11.050.000	-
Công trình đầu tư phun cát	279.647.372	-
Tổng	9.307.839.207	2.378.507.324

5.8 Chi phí trả trước dài hạn

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Tại ngày 01 tháng 01	53.164.988	292.662.155
Tăng	92.690.909	26.860.000
Phân bổ vào chi phí trong năm	89.289.603	266.357.167
Tại ngày 31 tháng 12	56.566.294	53.164.988

(*) Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ với giá trị: 56.566.294 VND (tại ngày 31/12/2011 là: 53.164.988 VND).

5.9 Tài sản dài hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kỹ quỹ, ký cược dài hạn	280.000.000	-
Tổng	280.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.10 Vay và nợ ngắn hạn**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
1. Vay tổ chức tín dụng	19.102.227.526	29.815.321.048
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đồng Nai (*)	19.102.227.526	29.815.321.048
2. Nợ dài hạn đến hạn trả	4.300.000.000	7.200.000.000
Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đông Đồng Nai	4.300.000.000	7.200.000.000
Tổng	23.402.227.526	37.015.321.048

(*) Công ty vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2011/HĐ ngày 23/08/2011 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai và được tái ký lại theo Hợp đồng tín dụng hạn mức số 02/2012/HĐ ngày 08/08/2012. Hạn mức dư nợ tối đa là 45.000.000.000 VND bao gồm cả VND và ngoại tệ (bao gồm toàn bộ dư nợ vay được chuyển tiếp từ Hợp đồng tín dụng ngắn hạn số 01/2011 ngày 23/08/2011. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động, mở và thanh toán L/C. Thời hạn vay theo từng Hợp đồng cụ thể. Thời hạn rút vốn: kể từ ngày ký hợp đồng đến ngày 30/06/2013. Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp tài sản, toàn bộ số dư tiền gửi sản xuất kinh doanh và các khoản thu theo các Hợp đồng kinh tế. Các khoản vay còn số dư tại ngày 31/12/2012 có lãi suất từ 9 - 12% đối với VND và 4,7 - 5,2 % đối với USD.

5.11 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Thuế giá trị gia tăng	2.397.378.710	1.504.740.532
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.050.343.015	2.443.479.658
Thuế thu nhập cá nhân	208.691.324	123.048.124
Tổng	3.656.413.049	4.071.268.314

5.12 Chi phí phải trả

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công trình Sân tennis Urbiz	-	58.358.363
Gia công chế tạo, lắp đặt Cơ Khí thủy công - Nhà máy thủy điện Đakmi 4	28.446.311	5.807.970.005
Gia công công chào KCN Nhơn Trạch 5	250.937.000	-
Gia công công chào KCN Nhơn Trạch I	415.660.909	-
Gia công hàng xuất khẩu Danieli	3.784.500	-
Sơn xe bồn phun nước Chi nhánh Miền Đông	7.906.000	-
Nhượng bán vật tư Công ty Anphal Bến Tre	98.159.483	-
Tổng	804.894.203	5.866.328.368

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.13 Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Kinh phí công đoàn	893.106.000	786.346.000
Thuế thu nhập cá nhân	11.250.562	-
Phải trả cổ tức, thù lao năm 2010	21.605.000	82.758.500
Phải trả cổ tức, thù lao năm 2011	566.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu Công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	-	3.228.248.787
Phải trả phụ cấp ăn ca	22.120.000	29.660.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.781.030.366	871.506.527
Tổng	3.295.111.928	4.998.519.814

5.14 Vay và nợ dài hạn

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Vay dài hạn		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai (*)	14.250.000.000	11.750.000.000
Nợ dài hạn	4.300.000.000	7.200.000.000
Trừ: chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	4.300.000.000	7.200.000.000
Tổng	9.950.000.000	4.550.000.000

(*) Ngày 14/12/2009 Công ty vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2009/HĐ. Số tiền vay là: 29.000.000.000 VND, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 12%/ năm và được điều chỉnh 3 tháng/ lần. Khoản vay được trả nhiều lần, năm 2013 phải trả 7.200.000.000 VND trong 4 quý, lãi vay được trả hàng tháng. Mục đích sử dụng khoản vay: Đầu tư xây dựng dự án " Nhà xưởng chính Lama - IDICO giai đoạn 1". Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp. Số dư nợ vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là : 7.250.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 3.600.000.000 VND.

(*) Ngày 08/08/2012 Công ty vay dài hạn với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Đồng Nai theo Hợp đồng tín dụng trung hạn số 02/2012/HĐ. Số tiền vay là: 7.000.000.000 VND, thời hạn vay: 60 tháng, lãi suất cho vay trong hạn 15%/ năm và được điều chỉnh 3 tháng/lần, lãi vay được trả vào ngày 26 hàng tháng. Mục đích sử dụng khoản vay: Đầu tư xây dựng dự án " Nhà xưởng chính Lama - IDICO mở rộng". Hình thức đảm bảo tiền vay: Thế chấp. Số dư nợ vay đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2012 là: 7.000.000.000 VND, trong đó nợ dài hạn đến hạn trả là: 700.000.000 VND.

Chi tiết lịch trả nợ:

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Trong vòng một năm	4.300.000.000	4.500.000.000
Trong năm thứ hai	6.450.000.000	7.250.000.000
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	3.500.000.000	-
Tổng	14.250.000.000	11.750.000.000
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng	4.300.000.000	7.200.000.000
Số phải trả sau 12 tháng	9.950.000.000	4.550.000.000

5.15 Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản dự phòng Công ty thực hiện trích chi phí bảo hành công trình 5% đối với các công trình đã bàn giao đưa vào sử dụng theo đúng quy định trên hợp đồng xây dựng với số tiền là 20.516.648.868 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

MẪU B 09 - DN

5.16 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu (*)	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại 01/01/2011	55.000.000.000	9.861.491	1.229.396.843	214.969.000	10.070.406.650	66.524.633.984
Tăng trong năm	-	42.766.978	2.644.690.758	564.676.000	13.912.190.451	17.164.324.187
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	13.912.190.451	13.912.190.451
Phân phối lợi nhuận	-	-	2.644.690.758	564.676.000	-	3.209.366.758
Đánh giá tỷ giá	-	42.766.978	-	-	-	42.766.978
Giảm trong năm	-	51.137.995	-	-	9.615.042.758	9.666.180.753
Trích quỹ Khen thưởng Phúc lợi	-	-	-	-	564.676.000	564.676.000
Trích quỹ Dự phòng Tài chính	-	-	-	-	564.676.000	564.676.000
Trích quỹ Đầu tư Phát triển	-	-	-	-	2.644.690.758	2.644.690.758
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	51.137.995	-	-	-	51.137.995
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	122.400.000	122.400.000
Chia cổ tức năm 2010	-	-	-	-	5.718.600.000	5.718.600.000
Số dư tại 31/12/2011	55.000.000.000	1.490.474	3.874.087.601	779.645.000	14.367.554.343	74.022.777.418
Số dư tại 01/01/2012	55.000.000.000	1.490.474	3.874.087.601	779.645.000	14.367.554.343	74.022.777.418
Tăng trong năm	-	41.276.504	3.171.426.451	912.582.000	10.271.772.463	14.397.057.418
Lợi nhuận sau thuế	-	-	-	-	10.271.772.463	10.271.772.463
Phân phối lợi nhuận	-	-	666.516.873	912.582.000	-	1.579.098.873
Thuế TNDN miễn giảm bổ sung quỹ	-	-	2.504.909.578	-	-	2.504.909.578
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước	-	41.276.504	-	-	-	41.276.504
Giảm trong năm	-	42.766.978	-	100.000.000	13.912.190.451	14.054.957.429
Trích quỹ Khen thưởng Phúc lợi và Ban điều hành	-	-	-	-	1.412.582.000	1.412.582.000
Trích quỹ Dự phòng Tài chính	-	-	-	-	912.582.000	912.582.000
Trích quỹ Đầu tư Phát triển	-	-	-	-	666.516.873	666.516.873
Thù lao hội đồng quản trị	-	-	-	-	165.600.000	165.600.000
Chia cổ tức năm 2011	-	-	-	-	8.250.000.000	8.250.000.000
Thuế TNDN được miễn giảm bổ sung quỹ (**)	-	-	-	-	2.504.909.578	2.504.909.578
Giảm khác	-	42.766.978	-	100.000.000	-	142.766.978
Số dư tại 31/12/2012	55.000.000.000	-	7.045.514.052	1.592.227.000	10.727.136.355	74.364.877.407



5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)

a. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu (tiếp)

(*) Theo hợp đồng số 49/2012/HĐCNCP ngày 29 tháng 6 năm 2012 giữa ba bên là Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO, Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO về việc chuyển nhượng phần vốn góp của Công ty Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Lắp máy IDICO sang Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên. Theo đó, đã làm thay đổi tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ trong Công ty như sau: Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO sở hữu 44.800 cổ phần (0,8%), đã chuyển nhượng 44.800 cổ phần phổ thông (0,8%) cho Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên. Sau khi chuyển nhượng, tổng số cổ phần phổ thông của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO là 0 cổ phần (0%) và Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên là 1.106.891 cổ phần (19%).

(**) Theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông số 02/NQ-HĐĐCĐ ngày 28 tháng 04 năm 2012 về việc chấp nhận tăng Quỹ đầu tư phát triển từ việc được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp 50% theo Giấy phép kinh và 30% theo Nghị quyết số 08/2011/QH13 ngày 06 tháng 6 năm 2011 với số tiền lần lượt là 1.926.853.521 đồng và 578.056.057 đồng.

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH MTV	11.068.910.000	10.620.910.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị IDICO	2.644.240.000	2.644.240.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO	486.850.000	486.850.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	-	448.000.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	2.856.650.000	2.856.650.000
Vốn góp của đối tượng khác	37.943.350.000	37.943.350.000
Tổng	55.000.000.000	55.000.000.000

Số/ 28/11

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.16 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)****c. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Vốn góp tại ngày 01 tháng 01	55.000.000.000	55.000.000.000
Vốn góp tăng trong năm	-	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại ngày 31 tháng 12	55.000.000.000	55.000.000.000
Cổ tức, lợi nhuận được chia		
Chia cổ tức năm 2010	-	5.718.600.000
Chia cổ tức năm 2011 (*)	8.250.000.000	-

(*) Theo Nghị quyết số 02/NQĐHCB, ngày 28/4/2012, Công ty chia cổ tức năm 2011 là 15% vốn điều lệ, tương ứng với số tiền là 8.250.000.000 đồng. Tại ngày 22/3/2012, Công ty chốt danh sách chia cổ tức. Theo thông báo số 105/TB-CT ngày 19 tháng 6 năm 2012 về việc chi trả cổ tức năm 2011 và thời gian chia cổ tức từ ngày 16 tháng 7 năm 2012. Trong năm 2012, Công ty đã thực hiện trả cổ tức với số tiền là 8.245.153.500 đồng. Trong đó, trả cho cổ tức năm 2010 là 61.153.500 đồng, năm 2011 là 8.184.000.000 đồng (Thanh toán bằng tiền là 6.194.227.500 đồng, bù trừ công nợ là 1.989.772.500 đồng).

d. Cổ phiếu

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	5.500.000	5.500.000
Cổ phiếu phổ thông	5.500.000	5.500.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

5.17 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu hoạt động xây dựng	110.217.637.921	168.718.572.552
Doanh thu hàng hóa, dịch vụ khác	60.927.231.536	13.835.995.611
Tổng	171.144.869.457	182.554.568.163

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.18 Giá vốn hàng bán**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hoạt động xây dựng	92.465.146.871	142.544.876.609
Giá vốn hàng hóa, dịch vụ khác	56.205.587.816	12.372.765.642
Tổng	148.670.734.687	154.917.642.251

5.19 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	1.087.565.398	1.854.620.745
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	158.808.928	124.116.622
Tổng	1.246.374.326	1.978.737.367

5.20 Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền vay	3.902.660.103	8.694.606.116
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	12.619.135	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	990.261	85.359.993
Chi phí tài chính khác	109.532.795	-
Tổng	4.025.802.294	8.779.966.109

5.21 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nhân viên quản lý	4.859.603.224	3.811.832.042
Chi phí vật liệu quản lý	336.088.215	238.019.320
Chi phí đồ dùng văn phòng	140.065.256	143.167.391
Chi phí khấu hao Tài sản cố định	564.198.993	379.286.608
Thuế, phí và lệ phí	467.627.489	311.885.797
Chi phí dịch vụ mua ngoài	569.781.391	591.641.390
Chi phí bằng tiền khác	712.110.020	499.949.685
Tổng	7.649.474.588	5.975.782.233

05/12/2012
 G.T.
 DAI
 T.O.
 NA
 TP.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.22 Thu nhập/chi phí khác**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thu nhập khác		
Nhượng lại điện sử dụng	59.657.123	8.666.400
Cho thuê mặt bằng lưu thông hàng hóa	230.363.636	389.976.879
Thu nhập khác	-	4.499.999
Thu tiền bồi dưỡng tay nghề	10.801.833	-
Hoàn nhập dự phòng, trích trước	43.598.899	-
Xử lý kiểm kê	92.118.754	-
Xử lý công nợ	34.921.543	-
Tổng	471.461.788	403.143.278
Chi phí khác		
Chi phí khác	-	2.070.300
Tổng	-	2.070.300
Thu nhập khác/chi phí khác thuần	471.461.788	401.072.978

5.23 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán	12.516.694.002	15.260.987.915
Các khoản điều chỉnh tăng	58.648.205	153.840.254
Chi phí chứng từ không hợp lệ	58.648.205	153.840.254
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	12.575.342.207	15.414.828.169
<i>Trong đó:</i>		
Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chính	11.985.520.165	11.457.083.509
Thu nhập chịu thuế khác	589.822.042	-
<i>Thuế suất thuế TNDN áp dụng</i>	<i>25%</i>	<i>25%</i>
Thuế TNDN phải nộp	3.143.835.552	3.853.707.041
Thuế TNDN được giảm (50%) (*)	-	1.926.853.521
Thuế TNDN được giảm (30%) (**)	898.914.013	578.056.056
Chi phí thuế TNDN hiện hành	2.244.921.539	1.348.797.464

(*) Theo công văn 42/CT-TCKT ngày 20/02/2009 về việc đăng ký miễn, giảm thuế TNDN gửi Cục thuế tỉnh Đồng Nai. Công ty đăng ký miễn giảm thuế TNDN theo phần E, mục III, điểm 1.1 của thông tư 128/TT-BTC ngày 22/12/2003 của BTC hướng dẫn thi hành thuế TNDN: Cơ sở kinh doanh được thành lập từ dự án đầu tư được miễn thuế 02 năm kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 2 năm tiếp theo. Năm 2008 là năm đầu tiên Công ty có lãi.

(**) Theo Thông tư số 140/2012/TT-BTC ngày 21 tháng 08 năm 2012 của Bộ Tài chính, hướng dẫn giảm trừ thuế thu nhập doanh nghiệp cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, Công ty được giảm thuế 30% cho năm 2012. Do vậy, khoản giảm trừ thuế được ghi nhận trong năm là 898.914.013 đồng.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****5.24 Lãi trên cổ phiếu**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	10.271.772.463	13.912.190.451
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	10.271.772.463	13.912.190.451
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ (cổ phiếu)	5.500.000	5.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.868	2.529

5.25 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	51.221.106.161	65.369.229.346
Chi phí nhân công	32.793.016.114	51.690.245.831
Chi phí công cụ dụng cụ	1.954.542.807	2.686.894.628
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.033.647.258	9.145.893.394
Thuế, phí và lệ phí	467.848.069	435.208.590
Chi phí dự phòng	2.282.205.041	22.342.511.776
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.498.003.818	55.793.555.296
Chi phí khác bằng tiền	1.685.819.713	1.421.160.486
Tổng	122.936.188.981	208.884.699.347

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát:**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát	Lương	1.045.567.000	927.937.000
	Thưởng	95.962.000	121.110.000
	Các khoản khác	165.600.000	165.000.000
Tổng		1.307.129.000	1.214.047.000



CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Các giao dịch mua bán nội bộ**

Bên liên quan	Tính chất giao dịch	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<u>Mua hàng</u>			
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	Giá trị xây lắp	2.722.810.855	874.674.946
Công ty Cổ phần Kiểm định Vinacontrol - IVC	Kiểm định thiết bị	-	656.512.714
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - IDICO (UDICO)	Tiền điện	577.250.445	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Nhập dầu nhớt, vật tư	881.998	174.125.222
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO Quảng Nam	Phí tư vấn	-	161.240.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO	Thiết kế bản vẽ	45.454.545	-
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO Quảng Ngãi	Mua ống cống	-	420.254.362
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Tiền điện, bê tông phục vụ công trình	212.275.523	1.509.693.013
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Bê tông phục vụ công trình	-	548.741.818
Tổng		3.558.673.366	4.345.242.075
<u>Bán hàng</u>			
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	Khối lượng xây lắp	842.954.127	568.999.982
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO (UDICO)	Gia công kết cấu	-	362.437.273
Ban quản lý Nhà máy Thủy điện Đakmì 4	Xây lắp và cung cấp vật tư	82.447.565.084	161.978.751.012
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO Quảng Ngãi	Khối lượng xây lắp	2.532.000.000	-
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	Khối lượng xây lắp	1.812.570.000	-
Công ty Cổ phần Thủy điện Srok Phu Miêng	Sửa chữa cần pitong	12.798.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị - IDICO (UDICO)	Khối lượng xây lắp	1.255.202.667	-
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO tại Quảng Nam	Gia công lắp đặt	-	2.597.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty IDICO tại Miền Đông	Sơn xe bồn	26.841.600	-
Tổng		88.929.931.478	165.507.188.267

(Chữ ký)
 (Chữ ký)
 (Chữ ký)

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Các giao dịch mua bán nội bộ (Tiếp)****Các giao dịch khác (TK3388, 1388)**

Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	Phải trả lãi vay	2.500.000.000	1.073.333.000
	Cổ tức phải trả	1.593.136.500	1.593.140.000
	Phải trả bảo lãnh dự thầu	-	12.600.000
	Phải trả phí kiểm toán	-	45.000.000
	Bù trừ công nợ	10.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Nhà và Đô thị - IDICO (UDICO)	Phải trả cổ tức	-	396.640.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng và Phát triển Vật liệu IDICO	Phải trả cổ tức	-	64.200.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí IDICO (IDICO CONAC)	Phải trả cổ tức	-	69.770.000
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp (URBIZ)	Phải trả cổ tức	-	409.370.000
Tổng		14.093.136.500	3.664.053.000

Số dư phải thu các bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Phải thu khách hàng</u>			
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng số 10 IDICO	Đơn vị cùng Tổng Công ty	1.493.208.204	1.493.208.204
Chi nhánh Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO Quảng Ngãi	Đơn vị cùng Tổng Công ty	846.285.000	262.460.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị - IDICO (UDICO)	Cổ đồng sáng lập	1.311.061.547	329.413.700
Ban quản lý Nhà máy Thủy điện Dakmi 4	Đơn vị cùng Tổng Công ty	54.879.477.965	9.362.697.657
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp	Cổ đồng sáng lập	797.590.794	-
Tổng		59.327.623.510	11.447.779.561
<u>Ứng trước cho nhà cung cấp</u>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	Cổ đồng sáng lập	23.718.065	422.545.065
Tổng		23.718.065	422.545.065
<u>Phải thu khác</u>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	Cổ đồng sáng lập	2.579.611.213	-
Tổng		2.579.611.213	-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG LẮP MÁY IDICO

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2012

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**MẪU B 09 - DN****6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan (Tiếp theo)****Số dư phải trả các bên liên quan (tiếp)**

Bên liên quan	Mối quan hệ	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
<u>Phải trả nhà cung cấp</u>			
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh vật liệu xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng công ty	-	74.929.352
Công ty TNHH MTV Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp IDICO	Cổ đồng sáng lập	2.516.874.568	57.288.000
Công Ty Cổ phần Kiểm Định VINACONTROL-IVC	Đơn vị cùng Tổng công ty	527.651.749	727.651.749
Công ty TNHH MTV Xây dựng IDICO	Đơn vị cùng Tổng công ty	70.993.167	783.459.533
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển nhà và Đô thị IDICO (UDICO)	Cổ đồng sáng lập	634.975.489	-
Chi nhánh Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư IDICO Quảng Nam	Đơn vị cùng Tổng công ty	-	177.364.000
Tổng		3.750.494.973	1.820.692.634
<u>Người mua trả tiền trước</u>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	Cổ đồng sáng lập	-	422.545.065
Tổng		-	422.545.065
<u>Phải trả khác</u>			
Tổng Công ty Đầu tư Phát triển Đô thị và Khu công nghiệp Việt Nam - TNHH Một thành viên	Cổ đồng sáng lập	-	3.228.248.787
Tổng		-	3.228.248.787

6.2 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.10 và 5.14, tiền, phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty gồm vốn góp và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.697.534.014	69.074.584.402
Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác	69.541.991.322	14.589.001.143
Tổng	82.239.525.336	83.663.585.545
Nợ phải trả tài chính		
Các khoản vay	33.352.227.526	41.565.321.048
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	23.018.133.030	37.696.777.356
Chi phí phải trả	804.894.203	5.866.328.368
Tổng	57.175.254.759	85.128.426.772

Các loại công cụ tài chính

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

Tên đối tượng	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND	31/12/2012 VND	31/12/2011 VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	405.309.632	5.006.204.958
Euro (EUR)	-	-	5.366.924	3.738.683
Tổng	-	-	410.676.556	5.009.943.641

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Rủi ro thị trường (Tiếp)

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro về giá

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

11/01/2013

6.2 Công cụ tài chính (Tiếp theo)

Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp)

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Các khoản vay	23.402.227.526	9.950.000.000	33.352.227.526
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	23.018.133.030	-	23.018.133.030
Chi phí phải trả	804.894.203	-	804.894.203
	47.225.254.759	9.950.000.000	57.175.254.759
Tại 01/01/2012			
Các khoản vay	37.015.321.048	4.550.000.000	41.565.321.048
Phải trả nhà cung cấp và phải trả khác	37.696.777.356	-	37.696.777.356
Chi phí phải trả	5.866.328.368	-	5.866.328.368
	80.578.426.772	4.550.000.000	85.128.426.772

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tại 31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	12.697.534.014	-	12.697.534.014
Các khoản phải thu ngắn hạn	69.541.991.322	-	69.541.991.322
	82.239.525.336	-	82.239.525.336
Tại 01/01/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	69.074.584.402	-	69.074.584.402
Các khoản phải thu ngắn hạn	14.589.001.143	-	14.589.001.143
	83.663.585.545	-	83.663.585.545

6.3 Số liệu so sánh

Là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 đã được kiểm toán bởi Công ty Hợp danh Kiểm toán Việt Nam (CPA VIETNAM) - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế Moore Stephens.

Người lập



Trần Văn Ngọc

Kế toán trưởng



Vũ Thị Hiền

Đồng Nai, ngày 15 tháng 04 năm 2013

Giám đốc



Nguyễn Cao Hà